

Bài tập ôn thi giữa kỳ môn toán 6

Họ và tên: Lớp: GV: Nguyễn Huy Hùng

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $17 \cdot 85 + 15 \cdot 17 - 120$

b) $75 - (3 \cdot 5^2 - 4 \cdot 2^3)$

c) $A = 12 : \{390 : [500 - (125 + 35 \cdot 7)]\}$

d) $80 - (4 \cdot 5^2 - 3 \cdot 2^3)$

e) $5871 : \{928 - [(-82) + 247] \cdot 5\}$

f) $B = 10 + 12 + 14 + \dots + 96 + 98$

g) $C = 35 + 38 + 41 + \dots + 92 + 95$

h) $28.76 + 23.28$

i) $59.123 - 23.59$

k) $67.99 + 67$

l) $89.101 - 89$

Bài 2 : Thực hiện phép tính

a. $2 \cdot 5^2 + 3 \cdot 71^0 - 54 : 3^3$

b. $189 + 73 + 211 + 127$

c. $375 : \{32 - [4 + (5 \cdot 3^2 - 42)]\} - 14$

d. $150 + 50 : 5 - 2 \cdot 3^2$

e. $375 + 693 + 625 + 307$

f. $4 \cdot 2^3 - 3^4 : 3^3 + 25^2 : 5^2$

g. $2^4 \cdot 5 - [131 - (13 - 4)^2]$

h. $\{210 : [16 + 3 \cdot (6 + 3 \cdot 2^2)]\} - 3$

Bài 3: Thực hiện phép tính

a) $38.73 + 27.38$

b) $5 \cdot 3^2 - 32 : 4^2$

c) $5 \cdot 2^3 + 7^{11} : 7^9 - 1^8$

d) $400 : \{5 \cdot [360 - (290 + 2 \cdot 5^2)]\}$

e) $500 - \{5[409 - (2^3 \cdot 3 - 21)^2] - 1724\}$

g. $2^2 \cdot 5 + (149 - 7^2)$

h. $128 \cdot 19 + 128 \cdot 41 + 128 \cdot 40$

i. $136 \cdot 8 - 36 \cdot 2^3$

Bài 4 Tìm x, biết:

a. $[(6x - 39) : 7] \cdot 4 = 12$

b. $(2x - 5)^3 = 8$

c. $32 : (3x - 2) = 2^3$

d. $6 \cdot (x - 1) = 6^2$

e. $219 - 7(x + 1) = 100$

f. $75 : (x - 18) = 5^2$

g. $(3x - 6) \cdot 3 = 36$

h. $716 - (x - 143) = 659$

i. $30 - [4(x - 2) + 15] = 3$

k. $[(8x - 12) : 4] \cdot 3^3 = 3^6$

l. $(x - 17) \cdot 200 = 400$

m. $(x - 105) : 21 = 15$

n. $541 + (218 - x) = 735$

o. $24 + 5x = 7^5 : 7^3$

p. $5^{2x-3} - 2 \cdot 5^2 = 5^2 \cdot 3$

Bài 5: Tìm x biết

a. $(27 \cdot x + 6) : 3 - 11 = 9$

b. $(15 - 6x) \cdot 3^5 = 3^6$

c. $(2x - 6) \cdot 4^7 = 4^9$

d. $740 : (x + 10) = 10^2 - 2 \cdot 13$

e. $\overline{34x}$ chia hết cho 3 và 5

f. $x : 12$ và $13 < x < 75$

Bài 6 Tìm x, biết:

a) $128 - 3(x + 4) = 23$

b) $(x - 6)^2 = 9$

c) $128 - 3(x + 4) = 23$

d/ $x: 13$ và $13 < x < 75$

e) $14: (2.x + 3)$

d) $4. (x - 12) + 9 = 17$

Bài 7 Tìm x, biết:

a) $5(x + 35) = 515$

b) $12x - 33 = 3^2.3^3$

c) $6.x - 5 = 19$

d. $515 : (x + 35) = 5$

e. $20 - 2(x + 4) = 4$

f. $(10 + 2x). 4^{2020} = 4^{2022}$

Bài 8: Tìm ƯCLN và ƯC của các số sau:

a. 18; 27; 36

b. 38; 54; 90

c. 72; 96; 120

d. 96; 160

Bài 9: Điền vào dấu * các chữ số thích hợp để:

a) Số $\overline{3*5}$ chia hết cho 9

b) Số $\overline{1*5*}$ Chia hết cho cả 5 và 9

Bài 10: Điền vào dấu * các chữ số thích hợp để:

a) Số $\overline{1*2}$ chia hết cho 3

b) Số $\overline{*46*}$ Chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9

Bài 11 :

a. Điền chữ số vào dấu * để số $\overline{6*7}$ chia hết cho 3

b. Tìm các chữ số a, b để số $\overline{35ab}$ chia hết cho 2, 3, 5, 9 ?

Bài 12: Vẽ đường thẳng xy. Lấy điểm O nằm trên đường thẳng xy. Lấy điểm M thuộc tia Oy. Lấy điểm N thuộc tia Ox.

a) Viết tên hai tia đối nhau chung gốc O.

b) Trong ba điểm M, O, N thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

Bài 13 Vẽ đường thẳng xy. Lấy điểm O nằm trên đường thẳng xy. Lấy điểm M thuộc tia Oy. Lấy điểm N thuộc tia Ox.

a) Viết tên hai tia đối nhau chung gốc O.

b) Trong ba điểm M, O, N thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại ?

Bài 14: Cho tia Ox và Oy là hai tia đối nhau. Điểm M và N thuộc tia Ox sao cho M nằm giữa O và N. Điểm P thuộc tia Oy.

a, Tia nào trùng với tia OP ? Tia nào trùng với tia ON ?

b, Tia nào là tia đối của tia MN ?

c, Biết $ON = 5$ cm, $OM = 2$ cm .Hãy tính độ dài MN.

Bài 15: Vẽ hai tia đối nhau Ox và Oy

a. Lấy A thuộc Ox, B thuộc Oy, Viết tên các tia trùng với tia Oy

b. Hai tia Ax và Oy có đối nhau không ? Vì sao?

c. Tìm tia đối của tia Ax ?

.....Chúc các em ôn tập thật tốt